

UBND THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM THẠCH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Kết quả tuyển sinh	1063	202	207	169	239	246
	Nam	540	104	102	874	122	128
	Nữ	523	98	105	85	117	118
	Dân tộc	73	15	16	9	17	16
	Khuyết tật	33	16	5	5	3	4
	HS chuyển đến	19	8	4	1	2	4
	Hs chuyển đi	39	13	10	5	3	8
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1063	202	207	169	239	246
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất lớp 1,2,3,4,5						
Phẩm chất	1. Yêu nước	1063	202	207	169	239	246
	Tốt	968	170	179	147	231	241
	Đạt	95	32	28	22	8	5
	CCG						
	2. Nhân ái	1063	202	207	169	239	246
	Tốt	930	167	177	144	224	218
	Đạt	133	35	30	25	15	28
	CCG						
	3. Chăm chỉ	1063	202	207	169	239	246
	Tốt	733	136	142	117	164	174
	Đạt	327	64	64	52	75	72
	CCG	3	2	1			
	4. Trung thực	1063	202	207	169	211	246
	Tốt	886	160	176	127	28	212
	Đạt	177	42	31	42		34
	CCG						
	5. Trách nhiệm	1063	202	207	169	194	246
	Tốt	827	157	150	127	45	199
	Đạt	233	43	56	42		47
	CCG	3	2	1			
Năng lực chung	1. Tự chủ, tự học	1063	202	207	169	239	246
	Tốt	741	141	145	123	159	173
	Đạt	319	59	61	46	80	73
	CCG	3	2	1	0	0	0
	2. Giao tiếp hợp tác	1063	202	207	169	239	246
	Tốt	783	141	154	123	184	181
	Đạt	277	59	52	46	55	65
	CCG	3	2	1	0	0	0
	3. GQVĐ và sáng tạo	1063	202	207	169	239	246
	Tốt	714	135	140	121	158	160
	Đạt	346	65	66	48	81	86
	CCG	3	2	1	0	0	0

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
Năng lực đặc thù	1. Năng lực Ngôn ngữ		1063	202	207	169	239	246
	Tốt		737	142	141	115	173	166
	Đạt		321	56	65	54	66	80
	CCG		5	4	1	0	0	0
	2. Năng lực Tính toán		1063	202	207	169	239	246
	Tốt		772	149	152	120	179	172
	Đạt		287	50	54	49	60	74
	CCG		4	3	1	0	0	0
	3. Năng lực Khoa học		1063	202	207	169	239	246
	Tốt		758	136	146	121	176	179
	Đạt		302	64	60	48	63	67
	CCG		3	2	1	0	0	0
	4. Năng lực Thẩm mỹ		1063	202	207	169	239	246
	Tốt		748	140	148	122	169	169
	Đạt		314	62	58	47	70	77
	CCG		1	0	1	0	0	0
	5. Năng lực Thể chất		1063	202	207	169	239	246
	Tốt		765	144	149	126	172	174
	Đạt		298	98	58	43	67	72
	CCG		0	0	0	0	0	0
	6. Năng lực Tin học		654			169	239	246
	Tốt		439			121	171	167
	Đạt		215			48	68	79
	CCG		0			0	0	0
	7. Năng lực Công nghệ		654			169	239	246
	Tốt		459			116	162	161
	Đạt		195			53	77	85
	CCG		0			0	0	0
IV. Số học sinh chia theo kết quả học tập								
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập		1063	202	207	169	239	246
1	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)		684 (64,34%)	133 (65,84%)	138 (66,67%)	101 (59,76%)	156 (65,27%)	156 (63,41%)
2	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)		374 (35,18%)	65 (32,18%)	68 (32,85%)	68 (40,24%)	83 (34,73%)	90 (36,59%)
3	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)		5 (0,47%)	4 (1,98%)	1 (0,48%)	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm							
1	Lên lớp, hoàn thành chương trình tiểu học (tỷ lệ so với tổng số)		1058/1063 (99,52%)	198/202 (98,01%)	206/207 (99,51%)	169/169 (100%)	239/239 (100%)	246/246 (100%)
a	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	HS Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	412/1063 (38,75%)	79/202 (39,10%)	97/207 (46,85%)	57/169 (33,72%)	78/239 (32,63%)	101/246 (41,05%)

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
		HS tiêu biểu hoàn thành tốt trong HT và RL (tỷ lệ so với tổng số)	272/1063 (25,58%)	54/202 (26,73%)	41/207 (19,80%)	44/169 (26,03%)	78/239 (32,63%)	55/246 (22,35%)
b	HS được cấp trên khen thưởng			Cấp TP	Cấp tỉnh	Cấp Quốc gia		
			IOE	74	71	5		
			TNTV	139	58	0		
			Vioedu	11	2	0		
			STTNN	01	0	0		
2	Chưa hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)		5 (0,47%)	4 (1,98%)	1 (0,48%)	0	0	0

Cẩm Phả, ngày 01 tháng 06 năm 2025
 Phó Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Bích Hải